

DANH SÁCH CA THI, PHÒNG THI, SỐ BÁO DANH DỰ THI - VÒNG 1
KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC QUẬN HOÀNG MAI - NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số.....39.../TB-HĐTD ngày 23./9/2024 của HĐTD viên chức quận Hoàng Mai)

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	01	1	VC0823	Lê Thu Phương	05/9/2001	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
4	01	2	VC0824	Nguyễn Thị Phương	08/9/1999	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
4	01	3	VC0825	Nguyễn Lệ Quyên	14/4/1993	Nữ	Minh Quang, Ba Vì	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ Văn; Văn học Việt Nam	GV	Văn	THCS Đại Kim		
4	01	4	VC0826	Nguyễn Hương Quỳnh	02/11/1998	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
4	01	5	VC0827	Nguyễn Thị Quỳnh	14/8/1992	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Lý luận văn học;	GV	Văn	THCS Tân Định		
4	01	6	VC0828	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	22/11/1991	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Văn học Việt Nam trung đại	GV	Văn	THCS Thịnh Liệt		
4	01	7	VC0829	Lê Lam Tiên	22/02/1999	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
4	01	8	VC0830	Lê Thủy Tiên	13/01/2001	Nữ	Nam Định	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Định		
4	01	9	VC0831	Lê Thị Tình	20/3/1993	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Yên Sở		
4	01	10	VC0832	Vũ Cẩm Tú	31/8/2001	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
4	01	11	VC0833	Nguyễn Mạnh Tuấn	18/8/2001	Nam	Phương Liên, Đống Đa	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
4	01	12	VC0834	Nguyễn Thị Tươi	14/11/2000	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
4	01	13	VC0835	Đặng Thị Phương Thảo	14/6/2002	Nữ	Tân Hồng, Ba Vì	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		

[Handwritten signature]

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	01	14	VC0836	Đỗ Thu Thảo	17/01/2000	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
4	01	15	VC0837	Lê Thu Thảo	30/11/2001	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		
4	01	16	VC0838	Nguyễn Phương Thảo	21/10/2002	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
4	01	17	VC0839	Nguyễn Thanh Thảo	29/7/2002	Nữ	Phúc La, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
4	01	18	VC0840	Đặng Thi Thơ	23/11/1993	Nữ	Phú Lâm, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
4	01	19	VC0841	Bùi Bích Thủy	08/3/1997	Nữ	Khuong Mai, Thanh Xuân	Ths	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
4	01	20	VC0842	Nguyễn Thị Thanh Thủy	26/12/1989	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Lý luận văn học	GV	Văn	THCS Tân Định		
4	01	21	VC0843	Phạm Thị Thủy	08/3/1996	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
4	01	22	VC0844	Nguyễn Minh Thúy	19/3/1999	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Tân Định		
4	02	1	VC0845	Nguyễn Thị Thanh Thúy	15/7/1996	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Vĩnh Hưng		
4	02	2	VC0846	Hoàng Thanh Thư	12/01/1994	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
4	02	3	VC0847	Hà Thị Thu Trang	10/02/2000	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
4	02	4	VC0848	Nguyễn Hạ Trang	27/3/1997	Nữ	Quang Trung, Đống Đa	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Hoàng Mai		
4	02	5	VC0849	Nguyễn Thùy Trang	09/7/2000	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
4	02	6	VC0850	Tạ Thị Huyền Trang	27/02/2001	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
4	02	7	VC0851	Trần Thu Trang	01/02/2002	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		

24/10

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	02	8	VC0852	Triệu Thu Uyên	27/7/1995	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
4	02	9	VC0853	Hoàng Thanh Vân	05/6/2001	Nữ	Hà Nam	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Tân Mai		
4	02	10	VC0854	Lê Thanh Vân	05/10/2001	Nữ	Quán Thánh, Ba Đình	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
4	02	11	VC0855	Nguyễn Hồng Vân	02/10/1998	Nữ	Phổ Huế, Hai Bà Trưng	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Văn học	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
4	02	12	VC0856	Nguyễn Khánh Vân	27/4/2001	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Đại Kim		
4	02	13	VC0857	Nguyễn Ngọc Vân	22/9/1995	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; LLPP dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt	GV	Văn	THCS Tân Mai		
4	02	14	VC0858	Nguyễn Thị Cẩm Vân	25/10/1999	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Linh Đàm		
4	02	15	VC0859	Đào Thị Vui	19/12/2002	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Mai Động		
4	02	16	VC0860	Lưu Hoàng Yến	26/10/2002	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	THCS Hoàng Liệt		
4	02	17	VC0861	Phạm Thị Kim Yến	26/7/1991	Nữ	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm	ĐH, Ths	Sư phạm Ngữ văn; Văn học	GV	Văn	THCS Tân Mai		
4	02	18	VC0862	Nguyễn Thị Bích	21/11/1986	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Lĩnh Nam		
4	02	19	VC0863	Vũ Thị Dung	01/9/1991	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Thanh Trì		
4	02	20	VC0864	Ninh Thị Ngọc Hà	23/02/1985	Nữ	Quang Trung, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Linh Đàm	DTTS	
4	02	21	VC0865	Nguyễn Ngọc Hà	20/6/1994	Nam	Đồng Lạc, Chương Mỹ	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Tân Mai		
4	02	22	VC0866	Trần Thị Huệ	18/12/1976	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Tân Mai		
4	02	23	VC0867	Lương Nguyễn Khánh Huyền	30/9/2000	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Hoàng Mai		

Handwritten signature

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	02	24	VC0868	Trần Thị Huyền	07/02/1999	Nữ	Thái Bình	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Hoàng Mai		
4	02	25	VC0869	Nguyễn Thị Mai Hương	27/4/1998	Nữ	Phú Yên	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Thanh Trì		
4	02	26	VC0870	Kim Văn Quyết	19/8/1990	Nam	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH, Ths	Sư phạm Âm nhạc; LLPP dạy học bộ môn Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Linh Đàm		
4	02	27	VC0871	Trần Thị Thanh Tâm	03/6/1993	Nữ	Hoàng Liet, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Tân Mai		
4	02	28	VC0872	Doãn Thị Kim Tuyến	29/9/1993	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Linh Đàm		
4	02	29	VC0873	Đỗ Thu Trang	30/8/1996	Nữ	Mai Khai, Bắc Từ Liêm	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Thanh Trì		
4	02	30	VC0874	Nguyễn Thị Thu Trang	14/2/2000	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Linh Đàm		
4	02	31	VC0875	Trần Quốc Việt	14/4/1996	Nam	Nam Định	ĐH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Âm nhạc	TH Tân Mai		
4	02	32	VC0876	Trần Khánh Linh	30/7/1999	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	02	33	VC0877	Chữ Hạnh An	11/08/2002	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	02	34	VC0878	Hà Kiều An	02/11/2002	Nữ	La Khê, Hà Đông	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		
4	02	35	VC0879	Hoàng Thúy An	17/4/1998	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	02	36	VC0880	Trần Hiền An	05/3/2001	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	02	37	VC0881	Trần Thúy An	04/10/2000	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	02	38	VC0882	Bùi Quỳnh Anh	09/7/1994	Nữ	Tả Thanh Oai,	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	03	1	VC0883	Dương Thị Tú Anh	14/02/1998	Nữ	Vân Hà, Đông Anh	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		

MT

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	03	2	VC0884	Đặng Hoàng Anh	01/01/1996	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	03	3	VC0885	Đặng Vân Anh	22/12/1997	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		
4	03	4	VC0886	Đoàn Thị Ngọc Anh	18/9/1995	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	03	5	VC0887	Đoàn Vân Anh	17/3/1990	Nữ	Phượng Dục, Phú Xuyên	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	03	6	VC0888	Đỗ Lan Anh	27/4/2002	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	03	7	VC0889	Đỗ Ngọc Anh	02/12/2000	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
4	03	8	VC0890	Đỗ Thị Ngọc Anh	30/7/1998	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	03	9	VC0891	Đỗ Vân Anh	06/4/1992	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	03	10	VC0892	Đỗ Vân Anh	22/02/1999	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	03	11	VC0893	Giang Nguyệt Anh	03/01/1998	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	03	12	VC0894	Hoàng Ngọc Anh	17/9/1999	Nữ	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	03	13	VC0895	Hoàng Thị Lan Anh	10/12/2001	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	03	14	VC0896	Hoàng Thị Phương Anh	11/3/1998	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
4	03	15	VC0897	Kiều Thị Lan Anh	15/02/1995	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		
4	03	16	VC0898	Lê Hà Anh	02/5/1998	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Mai Động		MNN
4	03	17	VC0899	Lê Quỳnh Anh	24/7/1999	Nữ	Trương Định, Hai Bà Trưng	ĐH	GDTH; Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		MNN

(Handwritten signature)

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	03	18	VC0900	Lê Thị Trang Anh	18/4/1996	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	03	19	VC0901	Lê Thị Vân Anh	20/11/1996	Nữ	Văn Phú, Thường Tín	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	03	20	VC0902	Lê Thị Vân Anh	15/8/1993	Nữ	Hà Nam	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		
4	03	21	VC0903	Lương Ngọc Anh	24/12/1995	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		
4	03	22	VC0904	Mạc Thị Mai Anh	28/8/2001	Nữ	Nam Định	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		MNN
4	03	23	VC0905	Mai Phương Anh	06/02/1999	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		
4	03	24	VC0906	Nguyễn Diệp Anh	25/3/1999	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
4	03	25	VC0907	Nguyễn Hoàng Anh	10/4/1999	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	03	26	VC0908	Nguyễn Hồng Anh	10/02/1997	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
4	03	27	VC0909	Nguyễn Huyền Anh	03/10/1997	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	03	28	VC0910	Nguyễn Mai Anh	31/5/1996	Nữ	Phương Liên, Đống Đa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		
4	03	29	VC0911	Nguyễn Minh Anh	28/12/2002	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	03	30	VC0912	Nguyễn Ngọc Anh	02/7/1994	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
4	03	31	VC0913	Nguyễn Ngọc Anh	08/11/1997	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	03	32	VC0914	Nguyễn Nguyệt Thủy Anh	27/4/2000	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		
4	03	33	VC0915	Nguyễn Quỳnh Anh	28/11/2002	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		

101 2

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	03	34	VC0916	Nguyễn Thảo Anh	18/4/2000	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	03	35	VC0917	Nguyễn Thị Anh	19/8/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	03	36	VC0918	Nguyễn Thị Lan Anh	12/8/2001	Nữ	Phù Đồng, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		
4	03	37	VC0919	Nguyễn Thị Mai Anh	19/12/1983	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	03	38	VC0920	Nguyễn Thị Ngọc Anh	22/01/2000	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
4	04	1	VC0921	Nguyễn Thị Phương Anh	01/01/1996	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	04	2	VC0922	Nguyễn Thị Phương Anh	15/9/1999	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	04	3	VC0923	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	08/02/1997	Nữ	Minh Cường, Thường Tín	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	04	4	VC0924	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	13/02/2000	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
4	04	5	VC0925	Nguyễn Thị Tú Anh	05/10/1994	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	04	6	VC0926	Nguyễn Thị Vân Anh	05/12/1999	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		
4	04	7	VC0927	Nguyễn Vân Anh	14/8/1998	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	04	8	VC0928	Phạm Ngọc Anh	01/10/2000	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	04	9	VC0929	Phạm Ngọc Anh	03/9/1998	Nữ	TT Đông Anh, Đông Anh	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		
4	04	10	VC0930	Phạm Phương Anh	27/11/1998	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		
4	04	11	VC0931	Phạm Thị Lan Anh	22/02/1999	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		

DT 12

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	04	12	VC0932	Phùng Lan Anh	22/7/1999	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	04	13	VC0933	Phùng Thị Mai Anh	23/02/2002	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	04	14	VC0934	Phùng Vân Anh	10/01/1999	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	04	15	VC0935	Trần Hải Anh	03/10/1997	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	04	16	VC0936	Trần Hồng Anh	23/01/2000	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
4	04	17	VC0937	Trần Mỹ Anh	25/10/1999	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		
4	04	18	VC0938	Trần Thị Quỳnh Anh	25/12/1999	Nữ	Sơn Đà, Ba vì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	04	19	VC0939	Võ Quỳnh Anh	22/11/2000	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
4	04	20	VC0940	Vũ Hạnh Ngân Anh	02/6/1999	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Mai		
4	04	21	VC0941	Vũ Minh Anh	15/8/2000	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	04	22	VC0942	Vũ Phương Anh	27/01/1994	Nữ	Khuong Thượng, Đống Đa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	04	23	VC0943	Hoàng Ngọc Ánh	04/10/1997	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		
4	04	24	VC0944	Hoàng Ngọc Ánh	03/9/2001	Nữ	Nam Định	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	04	25	VC0945	Lê Nguyệt Ánh	06/8/1998	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trung	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	05	1	VC0946	Lê Thị Ánh	10/8/1999	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	05	2	VC0947	Lê Thị Ngọc Ánh	23/8/1999	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		

ĐT

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	05	3	VC0948	Nguyễn Minh Ánh	07/8/2001	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
4	05	4	VC0949	Nguyễn Ngọc Ánh	20/02/1999	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		
4	05	5	VC0950	Nguyễn Ngọc Ánh	26/12/1999	Nữ	Phương Mai, Đống Đa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Mai		
4	05	6	VC0951	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	18/01/1997	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
4	05	7	VC0952	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	03/01/1998	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		
4	05	8	VC0953	Phạm Thị Ngọc Ánh	14/6/1995	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	05	9	VC0954	Phùng Minh Ánh	01/8/2002	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	05	10	VC0955	Quách Minh Ánh	17/7/2002	Nữ	Hung Yên	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		
4	05	11	VC0956	Hoàng Ngọc Ân	18/7/1989	Nữ	Xuân Đình, Bắc Từ Liêm	Ths, ĐH	GDTH; Khoa học giáo dục	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	05	12	VC0957	Bùi Việt Bắc	31/12/1991	Nam	Phúc Tân, Hoàn Kiếm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		
4	05	13	VC0958	Lê Thị Bích	07/7/1998	Nữ	Liên Phương, Thường Tín	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		
4	05	14	VC0959	Nguyễn Thị Bích	09/3/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	05	15	VC0960	Thiều Nguyễn Ngọc Bích	13/10/2002	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		MNN
4	05	16	VC0961	Bùi Thanh Bình	12/02/2000	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		
4	05	17	VC0962	Lê Hòa Bình	19/7/2000	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
4	05	18	VC0963	Nguyễn Thị Thanh Bình	04/8/2000	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công	CTB	

ĐT

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	05	19	VC0964	Trần Thị Cần	05/7/1987	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	05	20	VC0965	Hoàng Thị Cúc	12/3/2002	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	05	21	VC0966	Nguyễn Hiền Cúc	16/9/1998	Nữ	Kim Thư, Thanh Oai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		
4	05	22	VC0967	Nguyễn Thị Kim Cúc	30/3/1999	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
4	05	23	VC0968	Phạm Bạch Cúc	27/12/1998	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	05	24	VC0969	Lê Thị Hồng Chang	31/5/1992	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	05	25	VC0970	Đỗ Ngọc Châm	05/7/1992	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		
4	06	1	VC0971	Lê Thị Châm	18/8/1998	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		
4	06	2	VC0972	Bùi Minh Châu	14/10/2000	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	06	3	VC0973	Nguyễn Minh Châu	10/02/1999	Nữ	Trương Định, Hai Bà Trưng	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
4	06	4	VC0974	Nguyễn Minh Châu	09/9/2001	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	06	5	VC0975	Phan Thị Minh Châu	08/3/1997	Nữ	Định Công Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		
4	06	6	VC0976	Dương Quỳnh Chi	05/9/2002	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	06	7	VC0977	Đoàn Kim Chi	29/12/1996	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	06	8	VC0978	Đỗ Thị Kim Chi	18/3/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	06	9	VC0979	Đỗ Yến Chi	20/10/2000	Nữ	Trần Phú, Hoàng mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		

Handwritten signature/initials

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	06	10	VC0980	Hoàng Linh Chi	19/8/2002	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	06	11	VC0981	Phạm Linh Chi	07/6/2001	Nữ	Nghệ An	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	06	12	VC0982	Trần Thị Quỳnh Chi	20/12/2002	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	06	13	VC0983	Nguyễn Tuyết Chinh	18/10/1996	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		
4	06	14	VC0984	Phạm Thị Hồng Chinh	28/9/1993	Nữ	Nam Định	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	06	15	VC0985	Đức Thị Chuyên	27/4/1990	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	06	16	VC0986	Dương Thị Ngọc Diệp	31/01/2000	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	06	17	VC0987	Lê Thị Ngọc Diệp	10/3/2000	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
4	06	18	VC0988	Nguyễn Hồng Diệp	24/7/2000	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		MNN
4	06	19	VC0989	Phạm Ngọc Diệp	25/10/1994	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	06	20	VC0990	Tạ Bích Diệp	24/5/1993	Nữ	Minh Khai, Hai Bà, Trung	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	06	21	VC0991	Trương Bích Diệp	11/02/1990	Nữ	Nguyễn Khang, Cầu Giấy	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		
4	06	22	VC0992	Nguyễn Thị Doanh	20/9/1988	Nữ	Cửa Nam, Hoàn Kiếm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		
4	06	23	VC0993	Bùi Thị Thùy Dung	12/01/1989	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	GDTH; Quốc tế học - Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		MNN
4	06	24	VC0994	Kiều Thị Thùy Dung	22/01/1990	Nữ	Chu Minh, Ba Vì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	06	25	VC0995	Kiều Thùy Dung	28/12/1997	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		

ĐT 22

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	07	1	VC0996	Lê Thị Thùy Dung	16/02/1995	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		
4	07	2	VC0997	Nguyễn Thị Dung	04/7/1990	Nữ	Biên Giang, Hà Đông	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt	CĐCĐ	
4	07	3	VC0998	Nguyễn Thị Dung	13/6/1990	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	07	4	VC0999	Nguyễn Thị Thanh Dung	14/4/1993	Nữ	Đông La, Hoài Đức	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	07	5	VC1000	Trương Thị Hà Dung	15/02/2000	Nữ	Tam Thuận, Phúc Thọ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	07	6	VC1001	Nguyễn Quốc Dũng	05/6/2001	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	07	7	VC1002	Nguyễn Long Thành Duy	10/7/2000	Nam	Song Phương, Hoài Đức	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	07	8	VC1003	Ngô Thị Duyên	05/12/1991	Nữ	La Khê, Hà Đông	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	07	9	VC1004	Nguyễn Thị Anh Duyên	10/11/1997	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	07	10	VC1005	Đào Hà Ánh Dương	23/12/2001	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
4	07	11	VC1006	Đào Vi Dương	06/03/2002	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Chu Văn An		MNN
4	07	12	VC1007	Đặng Thị Thùy Dương	12/9/2000	Nữ	Khuong Thượng, Đống Đa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	07	13	VC1008	Đinh Thùy Dương	27/10/1999	Nữ	Phương Liên, Đống Đa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		
4	07	14	VC1009	Hoàng Thùy Dương	26/11/2002	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		MNN
4	07	15	VC1010	Nguyễn Lê Thùy Dương	05/5/2001	Nữ	Kim Liên, Đống Đa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	07	16	VC1011	Nguyễn Thị Ánh Dương	09/10/2000	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		

12/10/2023

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	07	17	VC1012	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/8/1998	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trị	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	07	18	VC1013	Nguyễn Thùy Dương	19/03/2001	Nữ	Quang Trung, Hà Đông	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
4	07	19	VC1014	Nguyễn Việt Dương	31/5/2000	Nữ	Phú Thọ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	07	20	VC1015	Phương Ánh Dương	22/3/2001	Nữ	Xuân La, Tây Hồ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	07	21	VC1016	Hoàng Thị Đào	15/4/1989	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		
4	07	22	VC1017	Hoàng Thị Anh Đào	30/8/1991	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		
4	07	23	VC1018	Bùi Nguyễn Điền	09/01/1988	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	07	24	VC1019	Đào Văn Điệp	20/10/1994	Nam	Văn Đức, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	07	25	VC1020	Bùi Thị Giang	11/11/2000	Nữ	Tân Minh, Thường Tín	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	08	1	VC1021	Dương Thị Hương Giang	17/02/1988	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
4	08	2	VC1022	Đặng Thị Hương Giang	19/8/2002	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		
4	08	3	VC1023	Lê Thị Hương Giang	25/9/2001	Nữ	Vĩnh Phúc	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		
4	08	4	VC1024	Ngô Hương Giang	12/11/2001	Nữ	Văn Quán, Hà Đông	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thanh Trì		
4	08	5	VC1025	Ngô Ngân Giang	28/7/1996	Nữ	Dục Tú, Đông Anh	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Văn Thụ		
4	08	6	VC1026	Nguyễn Bảo Giang	12/6/1999	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trị	Ths, ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh; Giáo dục học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		MNN
4	08	7	VC1027	Nguyễn Hương Giang	02/6/1999	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		

DT 12

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	08	8	VC1028	Nguyễn Hương Giang	10/12/1997	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
4	08	9	VC1029	Nguyễn Thị Giang	20/11/2000	Nữ	Nam Phương Tiến, Chương Mỹ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	08	10	VC1030	Nguyễn Thị Hương Giang	23/12/1997	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		
4	08	11	VC1031	Nguyễn Trà Giang	05/5/1997	Nữ	Trung Tự, Đống Đa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	08	12	VC1032	Phạm Hương Giang	03/9/1987	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thịnh Liệt		
4	08	13	VC1033	Trần Huyền Giang	24/10/2002	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	08	14	VC1034	Trần Trà Giang	01/5/2001	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	08	15	VC1035	Vũ Nguyên Giang	28/9/2002	Nữ	Nam Định	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		
4	08	16	VC1036	Bùi Thị Thanh Hà	30/10/2000	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	08	17	VC1037	Đào Thị Thu Hà	21/8/2001	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	08	18	VC1038	Đinh Thu Hà	01/10/2001	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	08	19	VC1039	Đoàn Thu Hà	30/8/1997	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	08	20	VC1040	Hoàng Thu Hà	03/01/1996	Nữ	Khuong Đình, Thanh Xuân	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	08	21	VC1041	Hoàng Thu Hà	09/7/1994	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		
4	08	22	VC1042	Lê Thị Thanh Hà	05/9/1998	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	08	23	VC1043	Lê Thị Thu Hà	19/6/2000	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	08	24	VC1044	Ngô Thu Hà	28/4/1999	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		
4	08	25	VC1045	Nguyễn Hồng Hà	06/11/2002	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	08	26	VC1046	Nguyễn Hồng Hà	27/9/1995	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Tân Định		
4	08	27	VC1047	Nguyễn Thị Thu Hà	18/11/1999	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		
4	08	28	VC1048	Nguyễn Thị Thu Hà	21/02/2001	Nữ	Bắc Giang	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	08	29	VC1049	Nguyễn Thu Hà	05/12/1998	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		
4	08	30	VC1050	Nguyễn Thu Hà	17/11/1996	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	08	31	VC1051	Nguyễn Thu Hà	14/01/2000	Nữ	An Thượng, Hoài Đức	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	08	32	VC1052	Nguyễn Thu Hà	18/9/2001	Nữ	Hoàng Liet, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	08	33	VC1053	Phạm Thị Thu Hà	26/12/1990	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		
4	08	34	VC1054	Phạm Thu Hà	20/12/1999	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liet		
4	08	35	VC1055	Trần Thanh Hà	21/01/1998	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	08	36	VC1056	Trịnh Ngọc Hà	16/4/2001	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		
4	08	37	VC1057	Vũ Thị Thu Hà	06/8/1995	Nữ	Văn Tự, Thường Tín	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		
4	08	38	VC1058	Đỗ Hồng Hạnh	04/12/2002	Nữ	Đôn Nhân, Sông Lô	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	09	1	VC1059	Đỗ Thị Hạnh	14/4/1993	Nữ	Vạn Yên, Mê Linh	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		

DT

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	09	2	VC1060	Hoàng Hồng Hạnh	25/3/1996	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	3	VC1061	Lê Bích Hạnh	19/4/1995	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		
4	09	4	VC1062	Ngô Thị Mỹ Hạnh	18/12/2002	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	09	5	VC1063	Nguyễn Hồng Hạnh	24/11/2000	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	09	6	VC1064	Quách Hồng Hạnh	23/8/2000	Nữ	Hòa Bình	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm	DTTS	
4	09	7	VC1065	Trần Thị Hạnh	10/10/1983	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	09	8	VC1066	Lê Thị Phương Hào	27/2/2002	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		
4	09	9	VC1067	Nguyễn Thị Hào	06/02/1997	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	10	VC1068	Hoàng Thanh Hằng	21/02/2002	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Trần Phú		
4	09	11	VC1069	Kiều Thanh Hằng	16/11/1994	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	09	12	VC1070	Lê Thúy Hằng	21/02/1999	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Mai Động		
4	09	13	VC1071	Ngô Minh Hằng	05/01/2002	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	14	VC1072	Ngô Thị Minh Hằng	09/7/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	15	VC1073	Nguyễn Minh Hằng	01/6/2000	Nữ	Nam Đồng, Đống Đa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Định Công		
4	09	16	VC1074	Nguyễn Minh Hằng	04/8/1998	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Yên Sở		
4	09	17	VC1075	Nguyễn Minh Hằng	16/12/2001	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		

10

Ca thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	09	18	VC1076	Nguyễn Thanh Hằng	07/01/1999	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	19	VC1077	Nguyễn Thị Hằng	26/8/1991	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Liệt		
4	09	20	VC1078	Nguyễn Thị Hằng	17/5/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	21	VC1079	Nguyễn Thị Kim Hằng	22/5/1991	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	22	VC1080	Nguyễn Thị Thanh Hằng	01/3/1995	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì	Ths	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	23	VC1081	Nguyễn Thị Thu Hằng	09/12/1995	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	09	24	VC1082	Nguyễn Thị Thu Hằng	26/12/2002	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Vĩnh Hưng		
4	09	25	VC1083	Nguyễn Thị Thu Hằng	13/9/2001	Nữ	Nghệ An	ĐH	GDTH - Sư phạm Tiếng Anh	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		MNN
4	09	26	VC1084	Nguyễn Thị Thu Hằng	06/04/1989	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	27	VC1085	Nguyễn Thu Hằng	31/3/2002	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	09	28	VC1086	Nguyễn Thúy Hằng	03/9/2000	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	29	VC1087	Phạm Thúy Hằng	18/5/2001	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		
4	09	30	VC1088	Trần Thị Thanh Hằng	09/12/1998	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	31	VC1089	Trương Thu Hằng	28/7/1997	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Lĩnh Nam		
4	09	32	VC1090	Đào Gia Hân	07/10/1998	Nữ	Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Thúy Lĩnh		
4	09	33	VC1091	Trần Bảo Hân	03/4/2002	Nữ	Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Hoàng Mai		

105

Cã thi số	Phòng thi số	TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	CDNN đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Ghi chú (Miễn thi Ngoại ngữ)
4	09	34	VC1092	Lê Thị Bích Hậu	10/02/2000	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	35	VC1093	Nguyễn Thị Hậu	23/11/1998	Nữ	Phú Lâm, Hà Đông	ĐH	GDTH - Ngôn ngữ Anh	GV	Cơ bản	TH Đại Kim		MNN
4	09	36	VC1094	Nguyễn Thị Mai Hiền	17/6/2001	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	37	VC1095	Bùi Thị Thu Hiền	03/8/1996	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		
4	09	38	VC1096	Đặng Thanh Hiền	14/9/1999	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	ĐH	Giáo dục tiểu học	GV	Cơ bản	TH Linh Đàm		

Tổng danh sách 274 thí sinh (từ SBD: VC0823 đến VC1096)

Đ 22